

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG CÀ PHÊ TẠI HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Hoàng Thị Thái Hòa¹, Lâm Văn Mạnh², Đỗ Đình Thực¹

TÓM TẮT

Nghiên cứu được thực hiện trong năm 2019 với mục đích đánh giá hiệu quả sử dụng đất trồng cà phê về khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường, từ đó đề xuất giải pháp sử dụng đất trồng cà phê hợp lý tại huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk. Với phương pháp điều tra, thu thập thông tin, số liệu thứ cấp và sơ cấp bằng phương pháp phỏng vấn nông hộ; tiến hành đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường trên một số loại hình sử dụng đất trồng cà phê chính trên 3 điểm nghiên cứu đại diện cho huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 4 loại hình sử dụng đất trồng cà phê chính tại huyện Cư M'gar bao gồm cà phê trồng thuần, cà phê xen tiêu, cà phê xen bơ, cà phê xen sầu riêng. Hiệu quả sử dụng đất cao nhất thu được ở loại hình sử dụng đất cà phê xen bơ và cà phê xen sầu riêng. Giá trị gia tăng đạt cao nhất là 331.181 nghìn đồng/ha (cà phê xen sầu riêng) và 168.033 nghìn đồng/ha (cà phê xen bơ), hai loại hình sử dụng đất này cũng có hiệu quả cao về mặt xã hội và môi trường. Một số giải pháp về vốn, chính sách và kỹ thuật đã được đề xuất cho sử dụng đất trồng cà phê hợp lý tại huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Từ khóa: *Đất nông nghiệp, cà phê, hiệu quả sử dụng đất, loại hình sử dụng đất.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đắk Lắk là tỉnh nằm ở cao nguyên phía Tây miền Trung, nổi tiếng với dải đất đỏ bazan màu mỡ, thích hợp với nhiều loại cây trồng cho hiệu quả kinh tế cao như cà phê, hồ tiêu, cao su, đặc biệt cây cà phê đã trở thành thương hiệu của tỉnh. Diện tích trồng cà phê của Đắk Lắk tăng lên hàng năm, đưa tổng diện tích trồng cà phê hiện nay lên 203.063 ha và sản lượng bình quân toàn tỉnh đạt 478.083 tấn và chiếm 29,50% diện tích cà phê của cả nước (Cục Thống kê tỉnh Đắk Lắk, 2018).

Huyện Cư M'gar nằm cách trung tâm thành phố Buôn Ma Thuột 18 km về phía Bắc, có tổng diện tích tự nhiên là 82.450,14 ha (Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cư M'gar, 2018), chiếm 6,28% diện tích đất tự nhiên tỉnh Đắk Lắk. Là huyện có diện tích đất trồng cà phê lớn nhất so với các địa phương khác trong tỉnh, với diện tích hiện có là 37.726 ha và được phân bố ở tất cả các xã. Cà phê đã có những đóng góp nhất định trong cơ cấu nền nông nghiệp của huyện, tạo cho sự phát triển vượt bậc về giá trị sản xuất và giá trị gia tăng liên tục trong thời gian dài, sản lượng hàng hóa xuất khẩu tăng trưởng với tốc độ cao thu nhập và đời sống của dân cư nông thôn ngày càng được cải thiện.

Tuy nhiên, việc gia tăng diện tích trong những năm qua đã gây áp lực trong việc quản lý sử dụng đất

và quy hoạch cũng như đảm bảo phát triển bền vững cây cà phê. Việc gia tăng diện tích đã làm cho nguồn cung lớn hơn cầu, nên gây mất ổn định thị trường và làm rớt giá cà phê, do đó nhiều hộ dân phải phá cà phê để trồng tiêu và các loại cây trồng khác. Để duy trì phát triển cây cà phê bền vững đồng thời giúp người dân lựa chọn được loại hình sử dụng đất trồng cà phê phù hợp, nâng cao hiệu quả sử dụng đất trồng cà phê, đáp ứng yêu cầu phát triển nền nông nghiệp ổn định là việc hết sức quan trọng và cần thiết. Do đó, nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá được hiệu quả sử dụng đất trồng cà phê và đề xuất được giải pháp sử dụng đất trồng cà phê hợp lý tại huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

2. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

- Đất trồng cà phê tại huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

- Các hộ gia đình trồng cà phê tại huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

- Các chính sách và văn bản pháp lý liên quan đến sử dụng đất và phát triển cây cà phê tại Việt Nam.

2.2. Phạm vi nghiên cứu

- Thời gian: Số liệu được thu thập, tổng hợp đánh giá từ năm 2016 – 2019.

- Không gian: Để tài được tiến hành nghiên cứu tại 3 xã: Cư Dìê M' nông, Ea Mnang và Ea Kuêh, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

2.3.1. Phương pháp điều tra thu thập số liệu

¹ Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế

Email: hoangthithathoa@hualf.edu.vn

² Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk

- Số liệu thứ cấp: Thu thập số liệu thứ cấp từ các niên giám thống kê cấp huyện, các báo cáo về tình hình kinh tế xã hội và các báo cáo liên quan khác tại các cơ quan như: Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Lao động, Thương binh xã hội huyện, UBND huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk, Chi cục Thống kê huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk, UBND các xã, thị trấn nằm trên địa bàn nghiên cứu.

- Số liệu sơ cấp: Tiến hành khảo sát thực địa, điều tra có sự tham gia của người dân theo câu hỏi chuẩn bị sẵn, tổ chức thảo luận nhóm. Để tài chọn hỏi điều tra được tiến hành bằng cách phối hợp với cán bộ phụ trách nông nghiệp của 3 xã Cư Đulê Mông, Ea Mnang và Ea Kuêh để chọn ngẫu nhiên 30 hộ ở mỗi xã, trong đó các hộ được chọn điều tra phải có diện tích đất trồng cà phê từ 2 ha trở lên và cà phê đang cho thu hoạch. Tổng số hộ điều tra phục vụ nghiên cứu của đề tài là 90 hộ (3 xã), các thông tin điều tra được thể hiện trong phiếu điều tra nông hộ.

2.3.2. Phương pháp phân tích hiệu quả sử dụng đất

* Hiệu quả kinh tế:

- Giá trị sản xuất (GTSX): Là giá trị toàn bộ sản phẩm sản xuất ra trong kỳ sử dụng đất. Trong nghiên cứu này, giá trị sản xuất được tính từ số liệu trung bình cho chu kỳ kinh doanh của cây cà phê trong thời gian 15 năm.

- Chi phí trung gian (CPTG): Là toàn bộ chi phí vật chất quy ra tiền sử dụng trực tiếp cho quá trình sử dụng đất (giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, dụng cụ, nhiên liệu, nguyên liệu,...). Tính tổng chi phí 3 năm kiến thiết cơ bản và chi phí của thời kỳ kinh doanh là 15 năm, sau đó tính mức chi trung bình cho từng năm.

- Giá trị gia tăng (GTGT): Là hiệu số giữa giá trị sản xuất và chi phí trung gian, là giá trị sản phẩm xã hội được tạo ra thêm trong thời kỳ sản xuất đó.

- Hiệu quả kinh tế tính trên ngày công lao động thực chất là đánh giá kết quả lao động sống cho từng loại hình sử dụng đất và từng loại cây trồng, giá trị ngày công (GTNC) = GTGT/LĐ (lao động).

- Hiệu quả kinh tế tính trên 1 đồng chi phí trung gian (GTSX/CPTG (Chi phí trung gian), GTGT/CPTG): Đây là chỉ tiêu tương đối của hiệu quả, nó chỉ ra hiệu quả sử dụng các chi phí biến đổi và thu dịch vụ.

Các chỉ tiêu phân tích được đánh giá dinh lượng bằng tiền theo thời gian, giá hiện hành năm 2019.

* *Hiệu quả xã hội:* trong phạm vi nghiên cứu đã đề cập đến một số chỉ tiêu sau:

- Mức độ chấp nhận của nông hộ dựa trên diện tích mà nông hộ mong muốn tăng lên, ổn định hoặc giảm xuống đối với mỗi loại sử dụng đất trồng cà phê khi điều tra.

- Khả năng thu hút lao động giải quyết việc làm, giá trị ngày công lao động của mỗi loại hình sử dụng đất trồng cà phê.

* *Hiệu quả môi trường:*

Đánh giá hiệu quả môi trường dựa trên các tiêu chí như lượng thuốc bảo vệ thực vật sử dụng cho cây trồng, mức độ đa dạng hóa cây trồng trên cùng một đơn vị diện tích đất, khả năng thích ứng với những thay đổi của thời tiết, khí hậu của mỗi loại sử dụng đất trồng cà phê, khả năng che phủ đất.

- Đánh giá lượng thuốc bảo vệ thực vật của từng loại sử dụng đất cà phê so với định mức quy định trong Quyết định số 38/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2013 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

- Mức độ đa dạng hóa cây trồng thể hiện số loại cây trồng trên cùng một đơn vị diện tích đất. Chỉ tiêu này có ý nghĩa đối với việc giảm thiểu xói mòn và bảo vệ nguồn nước (đặc biệt là những khu vực đất dốc).

- Khả năng thích ứng với những thay đổi của thời tiết, khí hậu của mỗi loại sử dụng đất cà phê thể hiện ở khả năng che bóng, chắn gió, điều hòa nhiệt độ và độ ẩm của cây trồng xen cho cây cà phê. Chỉ tiêu này có ý nghĩa đối với việc lựa chọn loại sử dụng đất trong điều kiện yếu tố môi trường khí hậu bị biến đổi.

- Khả năng che phủ đất của mỗi loại hình sử dụng đất cà phê.

2.3.3. Phương pháp xử lý số liệu

Các số liệu được thống kê, xử lý bằng phần mềm Excel. Kết quả được trình bày bằng các bảng biểu số liệu, bản đồ và biểu đồ.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỂM NGHIÊN CỨU

Cư M'gar là một trong những huyện nằm ở trung tâm của tỉnh Đắk Lắk, cách thành phố Buôn Ma Thuột 18 km về phía Bắc. Huyện có 17 đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm 15 xã và 2 thị trấn. Vị trí địa lý của huyện có lợi thế về nhiều mặt để mở rộng giao lưu văn hóa, quan hệ phát triển kinh tế - xã hội đối với thành phố Buôn Ma Thuột, các huyện trong tỉnh Đắk Lắk và các tỉnh trong vùng Tây Nguyên, duyên hải miền Trung.

Huyện Cư M'gar nằm trên cao nguyên Buôn Ma Thuột, nên nhìn chung địa hình tương đối bằng phẳng, có xu hướng thấp dần từ Đông sang Tây. Nhiều nơi mạng lưới sông, suối chia cắt bề mặt thành nhiều đồi dốc thoải, mức độ chia cắt bình quân khoảng 7,5 km/km². Độ cao trung bình của huyện từ 300 m đến 800 m so với mực nước biển và có 5 cấp độ dốc (Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp, 1995). Mặc dù là huyện miền núi, nhưng diện tích đất có độ dốc từ 3° đến 15° chiếm diện tích khá lớn, bề mặt thoáng, ít bị chia cắt, do đó khá thuận lợi cho phát triển sản xuất cà phê.

Kết quả điều tra xây dựng bản đồ đất của Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp (1995) kết hợp với kết quả điều tra lấy mẫu đất phân tích bổ sung cho thấy trên địa bàn huyện Cư M'gar có 4 nhóm đất bao gồm đất đỏ vàng, đất đen, đất xám và đất thung lũng do sản phẩm dốc tu.

Tổng diện tích đất tự nhiên của huyện năm 2019 là 82.450,14 ha trong đó đất nông nghiệp có 74.656,37 ha, chiếm 90,55% diện tích tự nhiên; đất phi nông nghiệp là 7.751,57 ha, chiếm 9,40% diện tích tự nhiên; đất chưa sử dụng có 42,20 ha, chiếm 0,05% diện tích tự nhiên. Trong nhóm đất nông nghiệp của

huyện Cư M'gar gồm có đất sản xuất nông nghiệp chiếm diện tích nhiều nhất với 66.345,22 ha (88,86%), đất lâm nghiệp có 7.979,18 ha (10,69%) và đất nuôi trồng thủy sản có 229,51 ha (0,31%) trong diện tích nhóm đất nông nghiệp.

Đất sản xuất nông nghiệp của huyện Cư M'gar gồm có đất trồng cây hàng năm có diện tích 7.676,98 ha, chiếm 10,28% diện tích nhóm đất nông nghiệp. Đất trồng cây hàng năm trên địa bàn huyện gồm những cây trồng chính như lúa, ngô, khoai lang, sắn, mía, bông vải, rau, đậu. Đất trồng cây lâu năm có 58.668,25 ha, chiếm 78,58% tổng diện tích nhóm đất nông nghiệp. Một số cây lâu năm có diện tích lớn trên địa bàn huyện Cư M'gar là cà phê, cao su, tiêu, bơ, sầu riêng. Ngoài ra còn có một số cây lâu năm khác như chè, mít, vải, chôm chôm, cam, quýt, bưởi, thanh long, dưa, xoài, tuy nhiên diện tích trồng không nhiều. Trong đó cà phê là cây trồng có diện tích lớn nhất với 35.457,00 ha, chiếm 47,49% diện tích nhóm đất nông nghiệp và được phân bố ở tất cả các xã trên địa bàn huyện.

3.2. Hiện trạng sử dụng đất trồng cà phê huyện Cư M'gar năm 2019

Bảng 1. Hiện trạng các LUT cà phê huyện Cư M'gar năm 2019

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)	Trong đó (ha)				
			Cà phê trồng thuần	Cà phê xen tiêu	Cà phê xen sầu riêng	Cà phê xen bơ	Cà phê xen các cây khác
1	Xã Cư Dliê M' nông	4.294	214,59	2.758,65	347,98	940,52	32,26
2	Xã Cư M'gar	1.219	118,66	900,47	59,28	80,69	59,90
3	Xã Cuôr Đăng	2.174	94,74	1.268,09	411,25	338,49	61,43
4	Xã Cư Suê	2.152	45,57	1.935,81	60,27	104,42	5,93
5	Xã Ea D'rong	2.573	96,62	1.823,21	224,79	384,89	43,49
6	Xã Ea H'ding	2.035	150,52	1.471,40	134,63	259,34	19,12
7	Xã Ea Kiết	4.182	592,30	2.440,09	571,94	521,23	56,43
8	Xã Ea Kpam	1.280	98,42	886,02	90,05	152,13	53,37
9	Xã Ea Kuêh	1.515	229,18	964,83	104,51	157,32	59,16
10	Xã Ea M'Drôh	2.068	328,04	1.450,64	87,19	107,41	97,71
11	Xã Ea M'ngang	655	13,17	556,59	8,57	59,72	16,95
12	Thị trấn Ea Pôk	2.334	56,42	1.758,30	84,83	387,08	47,37
13	Xã Ea Tar	2.932	545,39	1.908,66	171,28	238,62	68,05
14	Xã Ea Tul	4.259	569,53	3.174,44	238,21	236,74	40,08
15	Xã Quảng Hiệp	1.994	88,77	1.628,35	97,11	121,55	58,21
16	Thị trấn Quảng Phú	445	11,47	345,53	37,15	30,80	20,05
17	Xã Quảng Tiến	1.615	305,63	1.100,44	88,70	102,75	17,50
Toàn huyện		37.726	3.559,02	26.371,52	2.817,74	4.223,70	754,02
Tỷ lệ (%)		100,00	9,43	69,90	7,47	11,20	2,00

(Nguồn: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Cư M'gar 2019).

Trên địa bàn huyện Cư M'gar có nhiều loại hình sử dụng đất (LUT) cà phê, bao gồm cả phê trồng thuần và cả phê trồng xen. Theo thống kê của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Cư M'gar (2019), diện tích cà phê trồng thuần chiếm 9,43% tổng diện tích đất trồng cà phê và đang có xu hướng ngày càng giảm diện tích. Vì những năm gần đây do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, cà phê già cỗi, năng suất cà phê bị giảm sút, mặt khác do ảnh hưởng của thị trường, giá cà phê giảm liên tục trong nhiều năm, dẫn đến thu nhập thấp nên việc trồng thuần không đảm bảo được cuộc sống cho người dân (diện tích này chủ yếu của các công ty, nông, lâm trường). Còn LUT cà phê trồng xen cho hiệu quả kinh tế cao hơn nhiều do có sự hỗ trợ qua lại giữa các loại cây với nhau, nếu mất mùa cà phê còn có cây trồng xen bù vào, mặt khác còn nâng cao được hệ số sử dụng đất, tăng thu nhập trên đơn vị diện tích.

Huyện Cư M'gar có diện tích cà phê trồng xen chiếm đến 88,57%, trong đó diện tích cà phê xen tiêu chiếm đến 69,90%, cà phê xen bơ chiếm 11,20% và cà phê xen sầu riêng chiếm 7,47%, còn lại là cà phê trồng xen một số cây khác như mít, cam, na, ổi,... với diện tích rất nhỏ chiếm 2,00% và trồng phân tán.

Hiện nay diện tích cà phê từ 20 năm tuổi trở lên có đến 7.840,60 ha, chiếm 20,78% tổng diện tích cà phê của huyện (Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Cư M'gar, 2019). Đây là diện tích cà phê đã bước vào giai đoạn già cỗi, năng suất kém do hết chu kỳ kinh doanh. Qua đây cho thấy việc tái canh cà phê trên địa bàn huyện trong thời gian tới là rất cần thiết.

3.3. Đánh giá hiệu quả sử dụng đất trồng cà phê tại huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk

3.3.1. Hiệu quả kinh tế

Bảng 2. Hiệu quả kinh tế trên 1 ha của cây cà phê tại các xã nghiên cứu

Các LUT theo xã nghiên cứu	Tinh trên 1 ha			Tinh trên 1 công lao động		
	GTSX (1000 đ)	CPTG (1000 đ)	GTGT (1000 đ)	LD (công)	GTSX (1000 đ)	GTNC (1000 đ)
Xã Cư Diê M'ng						
Cà phê trồng thuần	131.693,33	97.456,00	34.237,33	200	658,91	171,30
Cà phê xen tiêu	173.360,00	130.161,33	43.198,67	253	685,04	170,70
Cà phê xen bơ	308.733,33	136.105,33	172.628,00	323	955,83	534,45
Cà phê xen sầu riêng	497.273,33	156.815,67	340.457,67	400	1.243,39	851,29
<i>Trung bình</i>	<i>277.765,00</i>	<i>130.134,58</i>	<i>147.630,42</i>	<i>294</i>	<i>944,89</i>	<i>502,20</i>
Xã Ea Mngang						
Cà phê trồng thuần	130.106,67	98.153,33	31.953,33	205	635,70	156,12
Cà phê xen tiêu	169.560,00	130.394,67	39.165,33	254	667,21	154,11
Cà phê xen bơ	300.573,33	135.318,00	165.255,33	320	940,66	517,18
Cà phê xen sầu riêng	491.460,00	172.248,33	319.211,67	401	1.225,18	795,77
<i>Trung bình</i>	<i>272.925,00</i>	<i>134.028,58</i>	<i>138.896,42</i>	<i>295</i>	<i>925,59</i>	<i>471,05</i>
Xã Ea Kuêh						
Cà phê trồng thuần	130.786,67	98.801,33	31.985,33	205	637,15	155,82
Cà phê xen tiêu	169.540,00	130.730,67	38.809,33	253	669,24	153,19
Cà phê xen bơ	302.533,33	136.317,33	166.216,00	325	930,68	511,33
Cà phê xen sầu riêng	492.934,67	159.059,67	333.875,00	402	1.224,99	829,71
<i>Trung bình</i>	<i>273.948,67</i>	<i>131.227,25</i>	<i>142.721,42</i>	<i>297</i>	<i>923,89</i>	<i>481,33</i>

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra, năm 2019)

Kết quả ở bảng 2 cho thấy:

Đối với xã Cư Diê M'ng: Các loại hình sử dụng đất trồng cây cà phê có giá trị sản xuất bình quân chung trên 1 ha đạt 277.765,00 nghìn đồng, với

mức chi phí trung gian bình quân chung là 130.134,58 nghìn đồng, giá trị gia tăng là 147.630,42 nghìn đồng.

Đối với xã Ea Mngang: Các loại hình sử dụng đất cà phê có giá trị sản xuất bình quân chung trên 1 ha

đạt 272.925,00 nghìn đồng, với mức chi phí trung gian bình quân chung là 134.028,58 nghìn đồng, giá trị gia tăng là 138.896,42 nghìn đồng.

Đối với xã Ea Kuêh: tại xã này các loại hình sử dụng đất cà phê có giá trị sản xuất bình quân chung trên 1 ha đạt 273.948,67 nghìn đồng, với mức chi phí trung gian bình quân chung là 131.227,25 nghìn đồng, giá trị gia tăng là 142.721,72 nghìn đồng.

Xét theo loại hình sử dụng đất cho thấy:

- LUT cà phê trồng thuần: Theo kết quả điều tra thì LUT cà phê trồng thuần có hiệu quả kinh tế thấp tại cả 3 xã. Trong đó, tại xã Cư Diê M'Nông, giá trị gia tăng/ha của cây cà phê cao nhất so với hai xã còn lại do cà phê trồng trên nhóm đất đỏ vàng có điều kiện nước tưới thuận lợi hơn, nên năng suất cà phê tương đối cao, hơn nữa do điều kiện thuận lợi nên chi phí đầu tư cho cà phê thấp do vậy hiệu quả kinh tế của LUT cà phê thuần tại xã này đạt cao nhất (Trương Hồng, 2017). Tại xã Ea Mnang, do chất lượng đất kém hơn và điều kiện nước tưới khó khăn hơn, nên năng suất cà phê thấp, mặt khác do điều kiện kém thuận lợi hơn nên chi phí đầu tư cao dẫn đến hiệu quả kinh tế của LUT cà phê thuần thấp hơn xã Cư Diê M'Nông (Kết quả điều tra, 2019). Tương tự như vậy với xã Ea Kuêh, do mức độ đầu tư vào cây cà phê chưa hợp lý, cây cà phê có năng suất thấp, nên hiệu quả thu được thấp hơn tại hai xã trên.

- LUT cà phê xen tiêu: Hiệu quả kinh tế của cà phê trồng xen tiêu tại các xã trên địa bàn huyện Cư M'gar có sự khác nhau. Cà phê trồng xen tiêu tại xã Cư Diê M'Nông có hiệu quả kinh tế cao nhất, tiếp đến là xã Ea Mnang và xã Ea Kuêh là thấp nhất. So với cà phê trồng thuần thì cà phê xen tiêu tại các xã có lợi nhuận cao hơn. Như vậy, có thể thấy trồng cà phê xen tiêu làm tăng hiệu quả kinh tế trên đơn vị diện tích đất, tăng thu nhập cho nông hộ trồng cà phê ở huyện Cư M'gar. Mặt khác, đối với những nông hộ khó khăn về vốn có thể lấy thu nhập của cây tiêu để đầu tư cho cây cà phê và ngược lại nên sẽ giảm bớt khó khăn về vốn đầu tư cho nông hộ.

- LUT cà phê xen bơ: Hiện nay bơ là một loại cây ăn quả có giá trị, trồng xen được với cây cà phê. Tuy nhiên diện tích cà phê trồng xen bơ trên địa bàn huyện Cư M'gar còn ít, do đây là cây trồng khá mới đối với nhiều nông hộ, hơn nữa khi trồng thì 4 năm sau mới cho thu hoạch, nên người dân chưa mạnh dạn đầu tư. Nhưng các năm gần đây do giá tiêu

xuống thấp, việc đầu tư vào cây tiêu không còn lợi nhuận cao, do đó nhiều nông hộ chuyển cơ cấu cây trồng sang trồng bơ. Hiệu quả kinh tế của cà phê trồng xen bơ tại các tiểu vùng trên địa bàn huyện Cư M'gar cũng khác nhau. Cà phê trồng xen bơ tại xã Cư Diê M'Nông có hiệu quả kinh tế cao nhất, tiếp đến là xã Ea Kuêh và xã Ea Mnang có hiệu quả kinh tế thấp nhất.

- LUT cà phê xen sầu riêng: Hiện nay diện tích cà phê trồng xen sầu riêng trên địa bàn huyện Cư M'gar cũng chưa nhiều, do đây là cây trồng khá mới đối với nhiều hộ nông dân, hơn nữa khi trồng thì 4-5 năm sau mới cho thu hoạch, nên nông dân chưa mạnh dạn đầu tư. Cây sầu riêng lá nhỏ, hơi thưa để tạo ra ánh sáng tán xạ trong vườn cà phê. Theo Trương Hồng (2017), phương thức trồng xen sầu riêng trong vườn cà phê với với mật độ hợp lý làm tăng hiệu quả kinh tế từ 24% trở lên so với trồng cà phê thuần. Nếu mật độ trồng xen sầu riêng từ 70 - 90 cây/vườn cà phê với được xem là mật độ hợp lý để đảm bảo thu nhập từ hai loại cây trồng phối hợp.

Hiệu quả kinh tế của cà phê trồng xen sầu riêng tại các xã trên địa bàn huyện Cư M'gar có sự khác nhau. Trong đó, cà phê xen sầu riêng tại xã Cư Diê M'Nông có hiệu quả kinh tế cao nhất, tiếp đến là xã Ea Kuêh, thấp nhất là xã Ea Mnang. So với cà phê trồng thuần thì cà phê xen sầu riêng tại xã Cư Diê M'Nông có lợi nhuận cao hơn 306.220,33 nghìn đồng/ha/năm, tại xã Ea Mnang có lợi nhuận cao hơn 287.258,33 nghìn đồng/ha/năm, tại xã Ea Kuêh có lợi nhuận cao hơn 301.889,67 nghìn đồng/ha/năm.

Tóm lại, kết quả đánh giá hiệu quả kinh tế tại bảng 2 cho thấy loại sử dụng đất cà phê trồng thuần có hiệu quả kinh tế ở mức thấp nhất tại cả 3 xã; cà phê xen tiêu cũng có hiệu quả kinh tế ở mức trung bình; cà phê xen sầu riêng và cà phê xen bơ có hiệu quả kinh tế cao tại cả 3 xã. Như vậy các loại sử dụng đất cà phê trồng xen có hiệu quả kinh tế cao hơn so với cà phê trồng thuần. Theo Trương Hồng (2017), các mô hình trồng xen tiêu, sầu riêng là các mô hình nông lâm kết hợp thường gặp ở các vùng trồng cà phê với vì các loại cây trồng xen như tiêu, bơ, sầu riêng là các loại cây thích hợp với vùng sinh thái cà phê trên vùng đất đỏ bazan.

3.3.2. Hiệu quả xã hội

Qua kết quả bảng 3 cho thấy: Tại các xã và các LUT khác nhau có số ngày lao động khác nhau. LUT

cà phê trồng thuần có hiệu quả trung bình ở cả 3 xã, LUT cà phê xen tiêu có hiệu quả trung bình ở các xã Cư Diê M' nông và xã Ea Mnang và có hiệu quả cao ở xã Ea Kuêh; các LUT cà phê xen sầu riêng và xen bơ có hiệu quả xã hội cao tại cả 3 xã.

Số ngày công cần cho LUT cà phê trồng xen cao hơn so với LUT cà phê thuần. Mức độ chấp nhận của nông hộ đối với giải quyết lao động và tăng sản phẩm cho xã hội ở mức trung bình đến cao.

Bảng 3. Đánh giá hiệu quả xã hội các LUT cà phê tại huyện Cư M'gar

Các LUT theo xã nghiên cứu	Mức độ chấp nhận của nông hộ		Khả năng lao động (công/ha/năm)		Gia tăng sản phẩm cho xã hội		Tổng số *	Đánh giá chung
	Diện tích	Mức phân cấp	Lao động (công)	Mức phân cấp	Số loại sản phẩm	Mức phân cấp		
Xã Cư Diê M' nông								
Cà phê trồng thuần	Giảm	*	200	**	1	**	5*	Trung bình
Cà phê xen tiêu	Giảm	*	253	**	2	***	6*	Trung bình
Cà phê xen bơ	Mở rộng	***	323	***	2	***	9*	Cao
Cà phê xen sầu riêng	Mở rộng	***	400	***	2	***	9*	Cao
Xã Ea Mnang								
Cà phê trồng thuần	Giảm	*	205	**	1	**	5*	Trung bình
Cà phê xen tiêu	Ổn định	**	254	**	2	***	7*	Trung bình
Cà phê xen bơ	Mở rộng	***	320	***	2	***	9*	Cao
Cà phê xen sầu riêng	Ổn định	**	401	***	2	***	8*	Cao
Xã Ea Kuêh								
Cà phê trồng thuần	Giảm	*	205	**	1	**	5*	Trung bình
Cà phê xen tiêu	Mở rộng	***	253	**	2	***	8*	Cao
Cà phê xen bơ	Ổn định	**	325	***	2	***	8*	Cao
Cà phê xen sầu riêng	Mở rộng	***	402	***	2	***	9*	Cao

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra, năm 2019)

Ghi chú: Tổng hợp mức đánh giá (*) của 3 chỉ tiêu xác định hiệu quả xã hội cho mỗi LUT gồm: LUT đạt hiệu quả cao $\geq 8^*$, LUT đạt hiệu quả trung bình từ ≥ 5 đến $< 8^*$ và LUT đạt hiệu quả thấp $< 5^*$.

3.3.3. Hiệu quả môi trường

Một loại hình sử dụng đất được gọi là hiệu quả về mặt môi trường khi các hoạt động trong loại hình sử dụng đất đó không có ảnh hưởng xấu đến môi trường và có khả năng cải thiện đất đai. Kết quả ở bảng 4 cho thấy:

- Lượng thuốc bảo vệ thực vật: Đây là chỉ tiêu có ý nghĩa đối với việc xem xét mức độ sử dụng thuốc bảo vệ thực vật của các LUT cà phê, từ đó làm cơ sở cho việc lựa chọn các LUT cà phê khi tái canh. Theo kết quả điều tra, các LUT cà phê trên địa bàn huyện Cư M'gar đều sử dụng thuốc bảo vệ thực vật cao hơn định mức từ 1,5 đến 8,5 lần. Trong đó LUT cà phê trồng thuần sử dụng thuốc bảo vệ thực vật thấp nhất vì chỉ có một đối tượng cây trồng là cây cà phê. Còn các LUT cà phê trồng xen đều có lượng thuốc bảo vệ

thực vật cao hơn LUT cà phê trồng thuần, do phải sử dụng thuốc để bảo vệ cho cây cà phê và cây trồng xen. Việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật của nông hộ chưa đúng cách như sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo định kỳ, sử dụng thuốc quá liều lượng.

- Số lần tưới nước trong năm: Theo kết quả điều tra, các nông hộ đã tưới nước cho các LUT cà phê cao hơn khuyến cáo từ 1,4 đến 2,6 lần. Trong đó LUT cà phê trồng thuần có số lần tưới nước thấp nhất, vì chỉ cần tưới nước cho cây cà phê. Còn các LUT cà phê trồng xen đều có số lần tưới nước cao hơn LUT cà phê trồng thuần, do cần phải sử dụng nước tưới cho cây cà phê và cây trồng xen. Số lần tưới nước của LUT cà phê xen tiêu là cao nhất, tiếp đến là LUT cà phê xen sầu riêng và LUT cà phê xen bơ.

Bảng 4. Hiệu quả môi trường của các LUT trồng cây cà phê

Các LUT theo xã nghiên cứu	Lượng thuốc BVTV		Số lần tưới nước		Mức độ đa dạng hóa cây trồng		Khả năng thích ứng với thay đổi thời tiết, khí hậu		Khả năng che phủ đất		Tổng số *	Đánh giá chung
	So với định mức (lần)	Mức phân cấp	So với định mức (lần)	Mức phân cấp	Số loại cây	Mức phân cấp	Thích ứng	Mức phân cấp	Tỷ lệ (%)	Mức phân cấp		
Xã Cư Diê M'Nông												
Cà phê trồng thuần	1,5	***	1,4	***	1	**	Trung bình	**	75	**	12*	Cao
Cà phê xen tiêu	4	*	2,5	*	2	***	Cao	***	70	**	10*	Trung bình
Cà phê xen bơ	2,5	**	1,8	**	2	***	Cao	***	85	***	14*	Cao
Cà phê xen sầu riêng	8,5	*	1,8	**	2	***	Cao	***	85	***	12*	Cao
Xã Ea M nang												
Cà phê trồng thuần	1,5	***	1,5	***	1	**	Trung bình	**	75	**	12*	Cao
Cà phê xen tiêu	4	*	2,6	*	2	***	Cao	***	70	**	10*	Trung bình
Cà phê xen bơ	2,5	**	1,9	**	2	***	Cao	***	85	***	13*	Cao
Cà phê xen sầu riêng	8,5	*	1,9	**	2	***	Cao	***	85	***	12*	Cao
Xã Ea Kuêh												
Cà phê trồng thuần	1,5	***	1,5	***	1	**	Trung bình	**	75	**	12*	Cao
Cà phê xen tiêu	4	*	2,6	*	2	***	Cao	***	70	**	10*	Trung bình
Cà phê xen bơ	2,5	**	1,9	**	2	***	Cao	***	85	***	13*	Cao
Cà phê xen sầu riêng	8,5	*	1,9	**	2	***	Cao	***	85	***	12*	Cao

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra, năm 2019)

*Ghi chú: *** là cao; ** là trung bình và * là thấp*

- Mức độ đa dạng hóa cây trồng: thể hiện ở số loại cây trồng trên cùng một đơn vị diện tích. Kết quả điều tra cho thấy LUT cà phê trồng thuần có mức độ thấp hơn các LUT cà phê trồng xen tại các xã.

- Về khả năng thích ứng với sự thay đổi của thời tiết, khí hậu: LUT cà phê xen tiêu, cà phê xen sầu riêng và cà phê xen bơ có khả năng thích ứng cao hơn so với LUT cà phê trồng thuần.

Qua bảng 4 cho thấy LUT cà phê xen tiêu đạt hiệu quả môi trường trung bình tại 3 xã, còn các LUT cà phê trồng thuần, cà phê xen sầu riêng và cà phê xen bơ đạt hiệu quả môi trường cao ở cả 3 xã.

3.4. Đề xuất giải pháp sử dụng đất trồng cà phê hợp lý tại địa phương

- Giải pháp về quản lý sử dụng đất trồng cà phê: Tăng cường công tác quản lý nhà nước về sử dụng

đất trồng cà phê trên địa bàn huyện Cư M'gar. Quản lý chặt chẽ việc phát triển các LUT cà phê dựa trên hiệu quả sử dụng đất đai. Khuyến khích phát triển các LUT cà phê trồng xen trên những đơn vị đất đỏ bazan. Vận động nhân dân chuyển đổi một số diện tích cà phê già cỗi, năng suất thấp, diện tích bị sâu bệnh hại nặng cho năng suất thấp, được trồng tại những địa bàn không phù hợp sang các cây trồng khác có hiệu quả kinh tế cao hơn.

- Giải pháp về một số chính sách có liên quan đến trồng cà phê: có đủ vốn để cung ứng cho các doanh nghiệp thu, mua cà phê, tiêu, sáu riêng và bỏ kịp thời ngay từ đầu vụ theo nhu cầu của người dân. Hạ lãi suất cho vay phục vụ tái canh cà phê. Có chính sách hỗ trợ hợp lý đối với các thị trường xuất khẩu mới, tiềm năng.

- Giải pháp về kỹ thuật: Tập huấn áp dụng kỹ thuật quy trình trồng mới hoặc tái canh cà phê cho nông hộ tại cấp xã mỗi năm 1 lần. Chọn mua cây giống phải đảm bảo chất lượng như cây giống tốt, sạch bệnh, rõ nguồn gốc. Tiếp tục phổ biến, chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới đến với người dân, trong đó lấy công tác khuyến nông, xây dựng các mô hình trình diễn từ đó nhân ra diện rộng.

- Giải pháp về thị trường: xây dựng thương hiệu thông qua các hoạt động đào tạo về định dạng sản phẩm, cách thức tạo dựng và quảng bá thương hiệu. Đa dạng hóa thị trường. Tăng cường quảng bá thương hiệu cà phê, tiêu và đặc biệt là sáu riêng, bơ trong cả nước và trên thế giới.

4. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

4.1. Kết luận

Huyện Cư M'gar có tổng diện tích tự nhiên là 82.450,14 ha trong đó có 37.726 ha cà phê, chiếm 45,76% diện tích đất tự nhiên của huyện.

Tại huyện Cư M'gar hiện có 4 LUT chính đó là cà phê trồng thuần chiếm 9,43%, cà phê xen tiêu chiếm 69,90%, cà phê xen sáu riêng chiếm 7,47% và cà phê xen bơ chiếm 11,20% diện tích đất trồng cà phê.

Kết quả điều tra cho thấy hiệu quả các LUT cà phê xen sáu riêng và LUT cà phê xen bơ có hiệu quả cao. LUT cà phê trồng thuần và LUT cà phê xen tiêu có hiệu quả trung bình. Kết quả đánh giá hiệu quả kinh tế trong sử dụng đất trồng cà phê cho thấy bình quân GTSX là 274.778 nghìn đồng/ha và GTSX/LĐ

931,46 nghìn đồng. Sau chu kỳ kinh doanh 15 năm thì lợi nhuận bình quân chung 1 ha trồng cà phê/năm từ 138.896,42 - 147.630,42 nghìn đồng.

Loại hình sử dụng đất trồng cà phê có ý nghĩa rất lớn trong đời sống xã hội và môi trường của người dân trên địa bàn huyện cụ thể như giúp giải quyết thêm việc làm cho nông hộ, đặc biệt là tận dụng được lao động nhàn rỗi.

4.2. Đề nghị

Để nâng cao hiệu quả sử dụng đất trồng cà phê hợp lý trên địa bàn huyện cần thực hiện đồng bộ các giải pháp bao gồm tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với đất trồng cà phê, rà soát tổng hợp diện tích cần tái canh; có các chính sách tín dụng phù hợp hỗ trợ người trồng cà phê, hỗ trợ đối với các thị trường xuất khẩu mới, tiềm năng, phát triển thương hiệu sản phẩm mới; tạo điều kiện thuận lợi cho việc vay vốn trồng cà phê; ưu tiên vốn cho việc phát triển công trình thủy lợi nâng cao năng lực tưới; tập huấn kỹ thuật và hỗ trợ chọn giống cây trồng có chất lượng phục vụ tái canh cà phê.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Thống kê tỉnh Đắk Lắk, 2018. *Niên giám Thống kê tỉnh Đắk Lắk*. Nhà xuất bản Thống kê, Đắk Lắk.
2. Trương Hồng, 2017. *Sản xuất cà phê thích ứng với biến đổi khí hậu ở vùng Tây Nguyên*. Kỳ yếu hội thảo về Phát triển ngành hàng cà phê Việt Nam thích ứng với biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế, Buôn Ma Thuột.
3. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cư M'gar, 2018. *Thống kê đất đai huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk năm 2018*.
4. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Cư M'gar, 2019. *Báo cáo kết quả thực hiện tái canh cây cà phê huyện Cư Mgar năm 2019*.
5. UBND tỉnh Đắk Lắk, 2013. *Quyết định số 38/2013/QĐ-UBND Đắk Lắk về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật một số cây trồng vật nuôi chính trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh*.
6. Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, 1995. *Đánh giá hiện trạng đất theo quan điểm sinh thái và phát triển lâu bền*. NXB Nông nghiệp, Hà Nội.

ASSESSMENT ON EFFICIENCY OF COFFEE LAND USE AT CU M'GAR DISTRICT, DAK LAK PROVINCE**Hoang Thi Thai Hoa, Lam Van Manh, Do Dinh Thuc****Summary**

The study was carried out in 2019 with the purpose of evaluating the efficiency of using land for coffee cultivation in terms of economic, social and environmental aspects, thereby proposing a reasonable solution for using coffee land in Cu M'gar district, Dak Lak province. With the method of surveying and collecting secondary and primary data and information by interviewing households; conducting assessment of economic, social and environmental efficiency on some main types of coffee land use in 3 research locations representing for Cu M'gar district, Dak Lak province. The research results show that there are four main types of land use in coffee in Cu M'gar district, including pure coffee, intercropping coffee with pepper, avocado and durian. The highest economic efficiency of land use is obtained in the land use types of coffee intercropped with avocado and durian coffee. The highest gross margin is VND 331,181 thousand/ha (coffee intercropping with durian) and 168,033 thousand VND/ha (coffee intercropping with avocado). These two types of land use are also highly effective in society and environment. Several solutions on capital, policies and techniques have been proposed for the appropriate use of coffee land in Cu M'gar district, Dak Lak province.

Keywords: *Agricultural land, coffee, land use efficiency, land use type.*

Người phản biện: TS. Đỗ Trung Bình

Ngày nhận bài: 12/5/2020

Ngày thông qua phản biện: 12/6/2020

Ngày duyệt đăng: 19/6/2020